TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 04-02-2025
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vũ
2. Ông Huỳnh Hiếu Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 361/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: ấp 14, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Đ, sinh năm 1991; Nơi cư trú: khu phố P, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị T xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2024 cũng như trong quá trình tố chị Nguyễn Đoàn Ngọc T trình bày*:**

Chị và anh Đ tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện B vào ngày 08/5/2012. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh Đ.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có

Anh Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên toà cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ cụ thể:

+ Về hôn nhân: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T và anh Phan Văn Đ được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2024 của chị Nguyễn Đoàn Ngọc T đối với anh Phan Văn Đ thì vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*". Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Phan Văn Đ có nơi cư trú tại thị trấn Phước Mỹ Trung, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tống Đ hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh Đ đến để tham gia phiên tòa nhưng anh Đ vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt . Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật

Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T và anh Đ là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T và anh Phan Văn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2012 tại UBND thị trấn P, huyện B nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị T không hạnh phúc nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ chị T và anh Đ đã có thời gian ly thân,mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Đoàn Ngọc T phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Đoàn Ngọc T đối với anh Phan Văn Đ, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T và anh Phan Văn Đ được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Đoàn Ngọc T khai không có nên không xem

xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Đoàn Ngọc T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006613 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- UBND thị trấn Phước Mỹ Trung (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vũ **Huỳnh Hiếu Trung** **Nguyễn Thị Hồng Diễm**